

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: /2026/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số /TTr-SGDĐT ngày tháng 7 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định chi tiết danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với dịch vụ tuyển sinh, các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định chi tiết danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với dịch vụ tuyển sinh, các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, người học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (sau đây gọi chung là học sinh) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định chi tiết danh mục, cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh

1. Cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh

a) Cơ sở giáo dục phổ thông công lập thu dịch vụ tuyển sinh mà người dự tuyển phải nộp khi tham gia xét tuyển, thi tuyển. Không áp dụng quy định này đối với trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú.

b) Mức thu:

- Tuyển sinh cấp trung học phổ thông không quá 180.000 đồng/thí sinh.
- Tuyển sinh cấp trung học cơ sở không quá 175.000 đồng/thí sinh.
- Tuyển sinh cấp mầm non, tiểu học không quá 100.000 đồng/thí sinh.
- Phúc khảo không quá 50.000 đồng/môn/thí sinh.

c) Đối tượng miễn thu: Thí sinh là con Thương binh, Liệt sỹ; thí sinh khuyết tật; thí sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ; thí sinh dân tộc rất ít người; thí sinh dân tộc thiểu số thường trú ở địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn; thí sinh có cha, mẹ, người giám hộ thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; các đối tượng khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

d) Cơ chế cấp bù, hỗ trợ đối với đối tượng miễn thu: Ngân sách nhà nước cấp bù, hỗ trợ đối với các đối tượng miễn thu theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

đ) Sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh: Toàn bộ số thu từ dịch vụ tuyển sinh được để lại chi cho công tác tuyển sinh. Trường hợp kết thúc năm mà không sử dụng hết nguồn thu thì chuyển vào năm sau để chi cho công tác tuyển sinh và thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện tùy vào điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương ở từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh phương thức tuyển sinh, mức thu cho phù hợp. Trường hợp Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương ban hành các quy định mới có liên quan thì thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quy định chi tiết danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh

1. Danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo và mức thu tối đa

Danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo và mức thu tối đa thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Cơ chế quản lý thu, chi

a) Mức thu quy định tại khoản 1 Điều này là mức thu tối đa. Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, tình hình thực tế của cơ sở giáo dục và nhu cầu của học sinh, các cơ sở giáo dục thống nhất với cha mẹ học sinh về nội dung và mức thu cụ thể, nhưng phải bảo đảm không ngoài danh mục các khoản thu và không vượt quá mức thu tối đa quy định tại Quyết định này; việc thu được thực hiện theo số tháng học thực tế và không vượt quá khung thời gian năm học do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

b) Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải bảo đảm nguyên tắc tự nguyện; các cơ sở giáo dục công lập có trách nhiệm xây dựng dự toán chi cho từng nội dung thu làm căn cứ xác định mức thu cụ thể theo nguyên tắc thu đủ bù chi, thu, chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

c) Căn cứ tình hình thực tế, các cơ sở giáo dục được xem xét miễn hoặc giảm mức thu (trừ tiền ăn) đối với học sinh là con liệt sĩ, thương binh, bệnh binh,

người hưởng chính sách như thương binh; học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, có hoàn cảnh khó khăn; học sinh khuyết tật, học sinh mồ côi cha mẹ.

d) Thực hiện công khai các khoản thu, chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

đ) Cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê các khoản thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật; thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục có thẩm quyền. Cuối mỗi học kỳ và cuối năm học, cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổng hợp kết quả thu, quyết toán chi đối với từng khoản thu; thực hiện công khai theo quy định và báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp.

Điều 4. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng 7 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ pháp chế);
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_(VH).

Nguyễn Hoàng Giang